

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Giấy, bút, thẻ chữ số 0–9 và bảng hàng do người lớn kẻ. Thẻ giá trị có thể thay cho nhiều đơn vị theo quy ước; không cần đếm hàng triệu đồ vật.

Đọc đúng dữ kiện của từng nhiệm vụ; em có thể viết, lập bảng hàng hoặc dùng thẻ giá trị để giải thích.

Kiểm lại kết quả bằng cấu tạo số, phép tính ngược hoặc một cách khác phù hợp.

BÀI 1

Dãy số tự nhiên bắt đầu từ không

Nhận dãy 0,1,2,3,... và đặc điểm không có số tự nhiên lớn nhất.

VÍ DỤ

Dãy 0, 1, 2, 3, ... tiếp tục mãi; với mỗi số tự nhiên, thêm 1 có số lớn hơn. Số 0 là số tự nhiên bé nhất.

1 Viết năm số đầu của dãy số tự nhiên.

2 Số tự nhiên bé nhất là số nào? Có số tự nhiên nào nhỏ hơn nó không?

3 Bạn nói 999 999 999 là số tự nhiên lớn nhất vì đã có chín chữ số. Em giải thích vì sao kết luận ấy sai; không cần đọc tên số kế tiếp.

4 Điền hai số tiếp theo: 398, 399, 400, ..., Nêu quy tắc.

Họ và tên: _____

Lớp: _____

Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

BÀI 2

Số liền trước và số liền sau

Tìm số liền trước, liền sau, xử lý riêng số 0.

VÍ DỤ

Số liền sau 999 999 là 1 000 000; số liền trước 1 000 000 là 999 999.
Số 0 có số liền sau là 1 nhưng không có số tự nhiên liền trước.

1 Viết số liền trước và liền sau 204 000.

2 Viết số liền sau 49 999 999 rồi giải thích các hàng thay đổi.

3 Số 0 có số tự nhiên liền trước không? Viết số tự nhiên liền sau nó.

4 Bạn ghi số liền trước 7 000 000 là 6 999 990. Em sửa và dùng phép cộng để kiểm.

BÀI 3

Nhận số chẵn từ chữ số cuối

Nhận số chẵn/lẻ bằng chữ số hàng đơn vị, kể cả số 0.

VÍ DỤ

Số 24 ghép hết thành 12 cặp nên chẵn; 25 còn một đơn vị nên lẻ. Chữ số tận cùng 0,2,4,6,8 chỉ số chẵn.

1 Phân loại 0, 17, 304, 1025 thành số chẵn và số lẻ.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Bài 3 · tiếp tục

2 46 283 718 là số chẵn hay lẻ? Chỉ chữ số quyết định.

3 Viết hai số lẻ có sáu chữ số và đọc chữ số tận cùng của mỗi số.

4 Bạn nói 123 456 là số lẻ vì chữ số đầu là 1. Em sửa và giải thích.

BÀI 4

Nhận số lẻ từ chữ số cuối

Nhận số lẻ và tiếp tục dãy các số lẻ liên tiếp.

VÍ DỤ

101, 103, 105 là các số lẻ liên tiếp; mỗi số hơn số trước 2. Giữa hai số lẻ liên tiếp có một số chẵn.

1 Điền ba số lẻ tiếp theo:
247, 249, 251, ..., ..., ...

2 Viết bốn số lẻ liên tiếp
bắt đầu từ 999.

3 Số tự nhiên liền sau một số chẵn là chẵn hay lẻ? Dùng một ví dụ để kiểm.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Bài 4 · tiếp tục

- 4 Bạn viết 31,33,36,37 và gọi là bốn số lẻ liên tiếp. Em sửa và nêu hai điều cần kiểm.

BÀI 5

Dùng số chẵn và lẻ trong tình huống mới

Vận dụng dãy số, liền trước/sau và chẵn/lẻ trong bản ghi đơn giản.

VÍ DỤ

Các nhãn chẵn 200,202,204 không phải các số tự nhiên liên tiếp; đó là các số chẵn liên tiếp.

- 1 Các ghế được ghi số chẵn liên tiếp 1002,1004,1006. Hai nhãn tiếp theo là gì?

- 2 Một mã phải là số lẻ, nằm giữa 302 và 306. Liệt kê các số có thể dùng.

- 3 Bạn nói giữa 999 998 và 1 000 002 có bốn số tự nhiên. Em liệt kê các số ở giữa, không kể hai đầu, rồi sửa.

- 4 Viết một số chẵn có bảy chữ số. Ghi số liền trước, số liền sau và nói chẵn/lẻ của chúng.